

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác và ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị K, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đều vắng mặt (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Hà Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị K và anh T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay xác tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị K và anh Thang có 01 con chung tên là Hà Diệu L, sinh ngày 07/10/2012, hiện nay con đang sống với anh T tại Thôn N, xã B. Ly hôn chị K đồng ý cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con vì hiện nay chị đi làm ăn xa nhà không có điều kiện trông nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị K trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T nhất trí ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh T và chị K có 01 con chung tên là Hà Diệu L, sinh ngày 07/10/2012, hiện nay con đang sống với anh T tại Thôn N, xã B. Ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp anh Hà Văn T vắng mặt. Anh T trình bày vì lý do cá nhân anh không thể đến Tòa án giải quyết vụ việc được, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị Bàn Thị K và anh Hà Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm về những vấn đề của vụ án giống như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bàn Thị K được ly hôn với anh Hà Văn T. Về con chung: Giao con chung tên là Hà Diệu L, sinh ngày 07/10/2012 cho

anh Hà Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/tháng theo sự thống nhất giữa các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bàn Thị K khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Văn T có nơi thường trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết theo thu tục chung và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ lời trình bày của chị Bàn Thị K và ý kiến của anh Hà Văn T đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K và anh Hà Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 27/10/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị K và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018. Chị K xác định có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết xin được ly hôn. Tại Biên bản lấy lời khai anh T thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T đồng ý ly hôn chị K.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị K và anh T tại nơi cư trú thấy rằng quá trình chung sống giữa chị K và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay anh T và chị K đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị K và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung tên là Hà Diệu L, sinh ngày 07/10/2012. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

là 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung hiện nay đang sinh sống ổn định với anh T tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, còn chị K đi làm ăn xa, không đảm bảo chỗ ăn ở, đi học ổn định cho con. Hơn nữa, nguyện vọng của con chung muốn được anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và đúng quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K và anh T đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bàn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Hà Diệu L, sinh ngày 07/10/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bàn Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/tháng. Thời điểm thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, chị Bàn Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003365 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Bàn Thị K còn phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Triệu Văn Mẫn

